

TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 17 – LÂM ĐỒNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 42/2025/HN&GD-ST

Ngày: 30-9-2025

“V/v Ly hôn”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 17 – LÂM ĐỒNG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa Pên tòa: Ông Mai Thuận.

Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Ông Mai Thương.

2/ Ông Hồ Văn Sơn.

Thư ký Pên tòa: Ông Bùi Chí Bảo - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 17, tỉnh Lâm Đồng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 17 – Lâm Đồng tham gia Pên tòa:
Ông **Nguyễn Hải Linh** – Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 9 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 17, tỉnh Lâm Đồng xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 222/2025/TLST-HN&GD ngày 13 tháng 6 năm 2025 về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 61/2025/QĐXXST-HN&GD ngày 27 tháng 8 năm 2025 và Quyết định hoãn Pên tòa số 71/2025/QĐST-HN&GD ngày 16 tháng 9 năm 2025, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Đặng Thị Xuân Tr, sinh năm 1984;

Nơi cư trú: Số 99b, đường số 4, thôn 6, xã Sn, huyện Đức Linh, tỉnh Bình Thuận cũ (nay là xã Nt, tỉnh Lâm Đồng).

- Bị đơn: Anh Trần Văn P, sinh năm 1988;

Nơi cư trú: Số 328, đường Mp – Đa Kai, thôn 1, xã Mp, huyện Đức Linh, tỉnh Bình Thuận cũ (nay là xã Nt, tỉnh Lâm Đồng).

Tại Pên tòa có mặt **nguyên đơn, vắng mặt bị đơn.**

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn trình bày:

Về hôn nhân: Năm 2021, chị Tr và ông Trần Văn P kết hôn, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Mp, huyện Đức Linh, tỉnh Bình Thuận. Sau ngày cưới vợ chồng sống hạnh phúc được khoảng 1 năm thì xảy ra mâu thuẫn. Do vợ chồng không hợp nhau, quan điểm sống, hai người quá khác biệt, càng sống chung cả hai càng nhận ra có những thứ không thể dung hòa, những bất đồng về suy nghĩ trong cuộc sống, hai người dần mất đi tiếng nói chung, vợ chồng sống không hạnh phúc. Chị Tr và ông Trần Văn P ly thân từ năm 2023 đến nay, mạnh ai nấy sống, không còn quan tâm đến nhau nữa. Nay xác định vợ chồng không còn tình cảm yêu thương, quý

trọng nhau, mâu thuẫn vợ chồng thật sự trầm trọng không hàn gắn được nên chị Tr yêu cầu được ly hôn.

Về con chung: Chị Tr và anh P có với nhau một con chung tên Trần Đăng Cát Tường, sinh ngày 01/10/2022. Chị Tr không yêu cầu Tòa án giải quyết trong vụ án này.

Về tài sản chung: Không.

Về nợ chung: Không.

Đối với bị đơn: Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án, thông báo hòa giải, giấy triệu tập và Quyết định đưa vụ án ra xét xử cho bị đơn, tuy nhiên bị đơn không cung cấp ý kiến, tài liệu chứng cứ để bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của bị đơn đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại Pên tòa:

Nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện ly hôn đối với bị đơn, không yêu cầu giải quyết tranh chấp về con chung, tài sản chung và nợ.

Bị đơn vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 17 – Lâm Đồng phát biểu ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Thẩm phán, Thư ký Tòa án và Hội đồng xét xử trong quá trình thụ lý, giải quyết vụ án đã thực hiện đầy đủ trình tự thủ tục tố tụng được pháp luật quy định tại Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Nguyên đơn đã thực hiện quyền, nghĩa vụ đúng quy định tại các Điều 70, 71 Bộ luật Tố tụng dân sự; bị đơn chưa thực hiện quyền, nghĩa vụ đúng quy định tại các Điều 70, 72 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét và chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, cụ thể:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận cho chị Đặng Thị Xuân Tr ly hôn anh Trần Văn P.

2. Ghi nhận ý kiến của chị Tr về việc không yêu cầu Tòa án giải quyết tranh chấp về nuôi con, chia tài sản và nợ chung khi ly hôn.

Buộc chị Tr phải chịu án phí theo quy định.

(Có bài phát biểu kèm theo)

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại Pên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại Pên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết:

Nguyên đơn Đặng Thị Xuân Tr khởi kiện ly hôn với bị đơn Trần Văn P, bị đơn có nơi đăng ký thường trú tại thôn 1, xã Mp, huyện Đức Linh, tỉnh Bình Thuận cũ nay là xã Nt, tỉnh Lâm Đồng mới.

Căn cứ Điều 51 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 và khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, khoản 2 Điều 1 của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật tố

tụng dân sự năm 2025, Nghị quyết số 01/2025/NQ-HĐTP ngày 27/6/2025 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao, Hội đồng xét xử xác định đây là **vụ án ly hôn** thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 17 – Lâm Đồng.

[2] Về tố tụng: Bị đơn đã được tổng đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn Pên tòa và giấy triệu tập tham gia Pên tòa nhưng vắng mặt và không có đơn xin xét xử vắng mặt.

Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015, Tòa án nhân dân khu vực 17 – Lâm Đồng xét xử vắng mặt bị đơn.

[3] Về nội dung: Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử nhận định nội dung vụ án như sau:

[3.1] Về hôn nhân: Chị Tr và anh P tự nguyện tìm hiểu, yêu thương nhau và đi đến hôn nhân vào năm 2021, có tổ chức lễ cưới, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Mp, huyện Đức Linh, tỉnh Bình Thuận (cũ) vào ngày 19/10/2021. Do đó, quan hệ hôn nhân giữa chị Tr và anh P được công nhận là hôn nhân hợp pháp và được pháp luật bảo vệ.

Sau khi kết hôn, chị Tr và anh P sống chung hạnh phúc với nhau được thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn theo lời khai của chị Tr là do chị Tr và anh P không hợp nhau, quan điểm sống, hai người quá khác biệt, càng sống chung cả hai càng nhận ra có những thứ không thể dung hòa, những bất đồng về suy nghĩ trong cuộc sống, hai người dần mất đi tiếng nói chung, vợ chồng sống không hạnh phúc; quá trình hòa giải cũng như tại Pên tòa, chị Tr xác định tình cảm vợ chồng không còn và kiên quyết ly hôn anh P. Bị đơn biết nguyên đơn khởi kiện ly hôn nhưng không có động thái tác động để nguyên đơn rút lại yêu cầu khởi kiện ly hôn, để vợ chồng đoàn tụ tiếp tục chung sống với nhau.

Từ những phân tích trên cho thấy, quan hệ hôn nhân giữa chị Tr và anh P đã thật sự lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Do đó, căn cứ khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Huệ đối với anh Thương.

[3.2] Về con chung, tài sản chung và nợ: Hội đồng xét xử ghi nhận ý kiến của đương sự về việc không yêu cầu Tòa án giải quyết trong vụ án này.

[4] Về án phí: Căn cứ vào Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, nguyên đơn phải nộp án phí ly hôn sơ thẩm. Bị đơn phải chịu án phí cấp dưỡng theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39; các Điều 143, 144, 147, 227, 228, 235, 266, 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 1 của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật tố tụng

dân sự năm 2025, Nghị quyết số 01/2025/NQ-HĐTP ngày 27/6/2025 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao;

Áp dụng các Điều 9, 51, 56, 57 của Luật hôn nhân gia đình năm 2014; Điều 7 của Nghị quyết 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16/5/2024 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao; điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khoá 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Nghị định 74/2024/NĐ-CP ngày 30/6/2024 của Chính phủ. Điều 26 Luật thi hành án dân sự.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của **chị Đặng Thị Xuân Tr.**

1. Về hôn nhân: Chị Đặng Thị Xuân Tr ly hôn anh Trần Văn P.

Giấy chứng nhận kết hôn số 67, đăng ký ngày 19/10/2021 tại Ủy ban nhân dân xã Mp, huyện Đức Linh, tỉnh Bình Thuận cũ (nay là xã Nt, tỉnh Lâm Đồng) giữa chị Đặng Thị Xuân Tr và anh Trần Văn P hết hiệu lực kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật.

2. Về con chung, tài sản chung và nợ: Hội đồng xét xử ghi nhận ý kiến của đương sự về việc không yêu cầu Tòa án giải quyết trong vụ án này.

3. Về án phí: Chị Đặng Thị Xuân Tr phải nộp số tiền 300.000đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, được trừ vào số tiền 300.000đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đức Linh, tỉnh Bình Thuận cũ (nay thuộc Thi hành án dân sự tỉnh Lâm Đồng) theo biên lai thu số 0000516 ngày 13/6/2025. **Chị Đặng Thị Xuân Tr đã nộp đủ tiền án phí.**

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án; bị đơn vắng mặt tại Pên tòa được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết, để Tòa án cấp trên xét xử theo trình tự phúc thẩm.

5. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND khu vực 17;
- THADS tỉnh Lâm Đồng;
- UBND xã Nt;
- Lưu hồ sơ vụ án, tập án văn;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa Pên tòa

Mai Thuận